

Số: /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2022

## KẾ HOẠCH

### Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Quảng Trị

Trên cơ sở Quyết định số 392/QĐ-BTTTT, ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Phê duyệt kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của tỉnh với cấu trúc quy định tại Phụ lục I (kèm theo) nhằm phát triển thúc đẩy phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Thu thập, cập nhật thông tin, hình thành cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chỉ số của tỉnh tích hợp với CSDL địa chỉ số quốc gia, để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế xã hội.

Hoàn thành chỉ tiêu về địa chỉ số trong các chiến lược quốc gia về phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

##### 2. Yêu cầu

Triển khai quyết liệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Quảng Trị (Kế hoạch).

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số (Bưu điện tỉnh Quảng Trị) và các doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số để triển khai Kế hoạch.

Làm tốt công tác truyền thông, thông tin về Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng: báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, nền tảng số, mạng xã hội và các hình thức khác.

Trong năm 2022, hoàn thành các trường thông tin cơ bản tại Phụ lục III (kèm theo); các năm tiếp theo sẽ cập nhật, bổ sung các trường thông tin nâng cao. Ứng dụng, khai thác địa chỉ số trong chương trình chuyển đổi số quốc gia và của tỉnh.

#### II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

##### 1. Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số

Rà soát, thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các

đối tượng tại Phụ lục II (*kèm theo*) vào CSDL địa chỉ số quốc gia.

Khuyến khích thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các đối tượng tại Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia.

## **2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số**

Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.

Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa, bản đồ ngành Tài nguyên và Môi trường, bản đồ ngành Giao thông ....

Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.

## **3. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số**

Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ, bao gồm:

- Thực hiện thông báo địa chỉ số tới chủ địa chỉ (hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ) có thể qua các kênh như: qua chính quyền xã, thôn, khối phố; qua tổ công nghệ số cộng đồng; gặp trực tiếp; hoặc gửi qua tin nhắn, email, đường thư.

- Phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai gắn biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia và gắn vào địa chỉ vật lý của đối tượng/công trình để nhận biết địa chỉ số của đối tượng (nếu cần thiết).

## **4. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số**

### *4.1. Nội dung thông tin, tuyên truyền*

Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông, của tỉnh Quảng Trị.

Giới thiệu chức năng, tính năng chính, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của Nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng.

Vinh danh tổ chức, doanh nghiệp điển hình phát triển, sử dụng Nền tảng địa chỉ số.

Các nội dung khác liên quan đến việc phát triển và sử dụng Nền tảng địa chỉ số trên địa bàn tỉnh.

### *4.2. Phương thức thông tin, tuyên truyền*

Xây dựng tài liệu, ấn phẩm truyền thông (tờ rơi, clip...).

Thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng; báo chí; Đài phát thanh, truyền hình; hệ thống truyền thanh cơ sở và qua

mạng Internet nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số quốc gia; triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

Thông tin, tuyên truyền theo các phương thức phù hợp khác.

*(Một số chỉ tiêu cơ bản và phân công thực hiện một số nhiệm vụ năm 2022 tại Phụ lục III kèm theo Kế hoạch này).*

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch từ nguồn vận động tài trợ; xã hội hóa; các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; nguồn kinh phí của doanh nghiệp có liên quan và nguồn ngân sách (nếu có) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các doanh nghiệp bưu chính trên địa bàn tỉnh chủ động bố trí kinh phí thực hiện kết nối dữ liệu từ Nền tảng địa chỉ số và Bản đồ số (nếu có) phục vụ nhu cầu quản lý, hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, Bưu điện tỉnh thực hiện các nội dung của Kế hoạch này. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông khi có yêu cầu.

Phối hợp với Bưu điện tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng nêu tại Kế hoạch này vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia.

Nghiên cứu đề xuất triển khai thử nghiệm nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, đánh giá, đề xuất các nội dung triển khai chính thức trong các kế hoạch hằng năm của tỉnh về chuyển đổi số nói chung và phát triển chính quyền số nói riêng.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thiết kế mẫu Biên địa chỉ số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, trình UBND tỉnh phê duyệt trước khi triển khai.

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí tổ chức thông tin, tuyên truyền về kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số của Bộ Thông tin và Truyền thông và của tỉnh.

Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; truyền thông, tập huấn, hướng dẫn sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

Chủ trì, phối hợp với Bưu điện tỉnh, các Sở, ngành và các đơn vị liên quan, UBND cấp huyện để thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành khi phát sinh nhu cầu quản lý, khai thác tại ngành, địa phương.

**2. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số,

địa chỉ số để phát triển nền tảng địa chỉ số của tỉnh.

**3. Sở Tài chính:** Căn cứ khả năng ngân sách, trên cơ sở nội dung thực hiện kế hoạch thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên do ngân sách nhà nước đảm bảo (nếu có), phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan thẩm định dự toán trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách hiện hành.

**4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:** Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng liên quan đến các cơ sở, địa danh du lịch nêu tại Kế hoạch này vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia; tích hợp với bản đồ số triển khai thử nghiệm ứng dụng trong lĩnh vực Du lịch.

### **5. Công an tỉnh**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng liên quan đến phòng cháy, chữa cháy nêu tại Kế hoạch này vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia; tích hợp với bản đồ số trong lĩnh vực Phòng cháy, chữa cháy.

Hỗ trợ Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh trong việc xác thực, thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số của tỉnh, đối chiếu dữ liệu địa chỉ theo hộ khẩu thường trú/biên số nhà với dữ liệu địa chỉ số phục vụ thông báo và gắn Biên địa chỉ số theo nội dung nêu tại Kế hoạch này.

**6. Sở Xây dựng:** Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc thiết kế mẫu Biên địa chỉ số, trình UBND tỉnh phê duyệt trước khi triển khai.

### **7. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

Tổ chức tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử của đơn vị về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của tỉnh, của địa phương.

Chỉ đạo chính quyền xã, thôn, khu phố, tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với đơn vị chức năng trong thu thập, cập nhật các trường thông tin và thông báo địa chỉ số, cơ sở dữ liệu địa chỉ số để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Chủ động đưa ứng dụng Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của tỉnh vào sử dụng phục vụ các lĩnh vực.

Định kỳ tháng, quý, năm (báo cáo tháng trước ngày 20 hàng tháng, báo cáo quý trước ngày 20 tháng cuối quý và báo cáo năm trước ngày 20/11) tại Phụ lục IV (kèm theo) hoặc báo cáo đột xuất gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

### **8. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Quảng Trị**

Phối hợp với các đơn vị liên quan trong tuyên truyền, quảng bá nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh.

Lồng ghép xây dựng, đăng tải và phát các bản tin, phóng sự về Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh trong các trương trình chuyển đổi số của tỉnh.

## 9. Bru điện tỉnh

Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của doanh nghiệp; báo cáo kế hoạch gửi Sở Thông tin và Truyền thông). Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

Phối hợp đào tạo và hướng dẫn sử dụng web/app thu thập các trường địa chỉ số nâng cao. Tham gia đào tạo cho các tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương.

Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác thông báo và tuyên truyền về địa chỉ số.

Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp được giao nhiệm vụ phát triển nền tảng địa chỉ số, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số để thu thập, cập nhật, sửa đổi, bổ sung thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành.

Khai thác hiệu quả Nền tảng địa chỉ số để nâng cao chất lượng quản lý, hoạt động vận chuyển và giao nhận hàng hóa trong thương mại điện tử và logistics, phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

Cung cấp tài khoản khai thác và sử dụng Nền tảng địa chỉ số trên địa bàn tỉnh gắn với Bản đồ số cho các cơ quan, đơn vị của tỉnh theo đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông.

Định kỳ tháng, quý, năm (báo cáo tháng trước ngày 20 hàng tháng, báo cáo quý trước ngày 20 tháng cuối quý và báo cáo năm trước ngày 20/11) tại Phụ lục IV (kèm theo) hoặc báo cáo đột xuất gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

**10. Tỉnh đoàn:** Triển khai thực hiện gắn với các phong trào nhằm phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ trong việc tuyên truyền, thu thập, bổ sung thông tin xây dựng Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh; đặc biệt là trong lực lượng tổ công nghệ số cộng đồng.

**11. Các Sở, ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị:** Phối hợp cung cấp thông tin; ứng dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh; báo cáo gửi Sở Thông tin và Truyền thông về việc ứng dụng, khai thác của đơn vị. Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổng hợp thông tin, báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch này đến UBND tỉnh trước ngày 25/12.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Quảng Trị, trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị báo cáo, đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, chỉ đạo, thực hiện ./.

### Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Trị;
- Bru điện tỉnh;
- Chánh VP, Phó VP Lê Châu Long;
- Lưu: VT, KGVXD.

**TM. UBND TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**

**PHỤ LỤC I**  
**CÁC TRƯỜNG ĐỊA CHỈ SỐ VÀ NGUYÊN TẮC GÁN ĐỊA CHỈ SỐ**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

**1. Các khái niệm**

1.1. Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số)

1.2. Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Đối tượng gán địa chỉ số được phân loại trong phụ lục II kèm theo.

1.3. Mã địa chỉ số được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

**2. Các trường thông tin địa chỉ số**

***a) Các trường thông tin cơ bản***

(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết Đối tượng: là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của Đối tượng: là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường, ..., hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như thôn/xóm, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

(3) Loại đối tượng: thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (cổng vào, lối vào của Đối tượng); Trường hợp Đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của Đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

***b) Các trường thông tin nâng cao:***

(1) Tên, số điện thoại di động, email của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

(3) Tên, số điện thoại di động, email của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Khuyến khích UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số nghiên cứu, bổ sung các

trường thông tin nâng cao để tăng giá trị sử dụng Nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

### **3. Nguyên tắc gán địa chỉ số**

3.1. Một Đối tượng nếu có nhiều lối tiếp cận (lối vào) khác nhau từ đường giao thông (ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà) thì có thể được gán nhiều địa chỉ số; mỗi địa chỉ tương ứng với một lối tiếp cận Đối tượng.

3.2. Đối với Đối tượng có nhiều địa chỉ số (có nhiều lối tiếp cận/lối vào) thì trường thông tin về “Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng” của mỗi địa chỉ số của Đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: cổng trước hoặc cổng sau của Tòa nhà).

3.3. Đối với loại Đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng rào) thì cách gán địa chỉ số cho Đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, ngõ, ngách, ...), theo đó địa chỉ số của Đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường.

**PHỤ LỤC II****PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG GÁN ĐỊA CHỈ SỐ**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

***I. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình***

1. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; nhà ở tập thể, khu nhà trọ; căn hộ (trong các toà nhà, chung cư); nơi cư trú khác.

***II. Trụ sở cơ quan, tổ chức***

2. *Trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:* (i) trụ sở Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương và đơn vị trực thuộc; (ii) Trụ sở Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh; (iii) Trụ sở Huyện uỷ, UBND, HĐND quận, huyện và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp huyện; (iv) Trụ sở Đảng uỷ, UBND, HĐND phường, xã và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp xã; (v) Trụ sở toà án, viện kiểm sát và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; (vi) Nhà tù, trại giam, trại giáo dưỡng; (vii) Trụ sở các cơ quan đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn; (viii) Trụ sở các hội, hiệp hội, liên hiệp hội và tổ chức chính trị - xã hội khác; (ix) Trụ sở các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác.

3. Trụ sở cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài.

***III. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội***

4. *Cơ sở giáo dục, đào tạo:* (i) Cơ sở giáo dục mầm non (nhà trẻ, trường/cơ sở mẫu giáo, mầm non); (ii) Cơ sở giáo dục/trường tiểu học; (iii) Cơ sở giáo dục/trường trung học cơ sở; (iv) Cơ sở giáo dục/trường trung học phổ thông, trường phổ thông liên cấp; (v) Cơ sở/trung tâm giáo dục thường xuyên; (vi) Cơ sở đào tạo/trường cao đẳng, đại học; (vii) Cơ sở đào tạo/trường dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp; (viii) Cơ sở/trung tâm đào tạo (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ chuyên ngành, âm nhạc, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng chuyên môn, ...); (ix) Cơ sở/trung tâm tư vấn giáo dục, đào tạo, du học; (x) Cơ sở giáo dục đào tạo khác.

5. *Cơ sở y tế, dược phẩm:* (i) Cơ sở y tế, khám chữa bệnh: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trạm y tế, trung tâm y tế, điểm/phòng khám chữa bệnh, trung tâm xét nghiệm, trung tâm thí nghiệm y tế, sinh học, khu cách ly y tế, bệnh viện/trại tâm thần, cơ sở y tế khác; (ii) Cơ sở chăm sóc sức khoẻ: cơ sở/trung tâm chăm sóc sức khoẻ, thẩm mỹ viện, spa, massage, tatoo, cơ sở dưỡng lão, cơ sở chăm sóc sức khoẻ khác; (iii) Cơ sở thú y: bệnh viện thú y, trạm thú y, cơ sở thú y khác; (iv) Cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế: nhà thuốc, cửa hàng dược, cửa hàng thiết bị y tế, công ty/cơ sở sản xuất chế biến dược phẩm, công ty/cơ sở sản xuất thiết bị y tế; cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế khác.

6. Cơ sở kinh doanh, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tư vấn, môi giới, sửa chữa, cho thuê: (i) chợ, siêu thị: chợ, chợ đầu mối, siêu thị, toà nhà thương mại, trung tâm mua sắm; (ii) cửa hàng bán lẻ, bán buôn: cửa hàng, cửa hiệu, đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, show room, cơ sở bán buôn, bán lẻ khác; (iii) Cơ sở dịch vụ công chứng, môi giới, quảng cáo: phòng công chứng, trung tâm tư vấn, trung tâm môi giới bất động sản, trung tâm quảng cáo, cơ sở môi giới khác; (iv) Cơ sở dịch vụ xe - máy, sửa chữa: đại lý xe - máy, cơ sở kinh doanh buôn bán xe - máy, đại lý cho thuê, trung tâm bảo hành, gara sửa chữa, cửa hàng sửa chữa, cơ sở dịch vụ xe - máy, dịch vụ sửa chữa khác; (v) Cơ sở dịch vụ studio, ảnh viện, dịch vụ cưới hỏi, ...

7. Cơ sở văn hoá: Trung tâm hội nghị, hội thảo, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; Nhà hát, trung tâm ca nhạc, điểm biểu diễn, rạp chiếu phim, rạp xiếc, rạp múa rối, cơ sở biểu diễn nghệ thuật khác; Di tích lịch sử, nhà/khu bảo tồn văn hoá; Cơ sở văn hóa khác;

8. Cơ sở thể dục, thể thao: Sân vận động, sân bóng đá, sân thi đấu, nhà thi đấu, sân tennis, sân thể thao ngoài trời, sân gôn, sân thể thao khác; Khu tập luyện thể thao, bể bơi, phòng tập gym, yoga, điểm tập luyện thể dục thể thao khác; Cửa hàng, cơ sở bán trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Cơ sở sản xuất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Các cơ sở thể thao khác.

9. Cơ sở, địa danh du lịch, giải trí, ăn uống, lưu trú, đi lại: (i) Điểm du lịch, đi lại: điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh, công viên cây xanh, vườn bách thảo, sở thú, khu bảo tồn, khu sinh thái, bãi biển, điểm checkin; bến xe, bến tàu, sân bay, điểm đón trả khách; ... (ii) Cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại: đại lý du lịch, trung tâm thông tin du lịch, điểm đặt tour du lịch, trung tâm điều hành tour du lịch, đại lý vé máy bay, tàu, thuyền, cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại khác (ii) Cơ sở giải trí: điểm vui chơi giải trí, vũ trường, karaoke, quán bi-a, quán game, cơ sở vui chơi giải trí khác,...; (iii) Cơ sở ẩm thực, ăn uống: khu ẩm thực, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn, quán bia, quán rượu, quán bar, pub, quán cà phê, quán giải khát,... (iv) Cơ sở lưu trú: khu nghỉ dưỡng, resort, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, homestay, ký túc xá, nhà trọ; (v) Cơ sở du lịch, ăn uống, lưu trú, đi lại khác.

10. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: đình, đền, chùa, miếu thờ, nhà thờ, tượng phật, tượng thánh, nhà tưởng niệm, nhà tang lễ, lăng mộ, nghĩa trang, cơ sở hoả táng, cửa hàng đồ ma chay hiếu hỉ thờ cúng, công trình tôn giáo khác.

11. Cơ sở bưu chính, viễn thông: (i) Bưu chính, chuyển phát: bưu cục, điểm giao nhận hàng chuyển phát, trung tâm chia chọn, trụ sở doanh nghiệp bưu chính chuyển phát, điểm văn hoá xã, cơ sở bưu chính khác; (ii) Viễn thông - Internet: điểm giao dịch viễn thông - internet, đại lý internet, trụ sở doanh nghiệp viễn thông - internet, cơ sở viễn thông, công trình viễn thông, cột ăng ten

viễn thông, trạm chuyển phát, cột/đường cáp tín hiệu, các cơ sở công trình viễn thông khác.

12. Cơ sở, công trình báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình: trụ sở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà trạm phát sóng, cột ăng ten phát thanh truyền hình, trạm chuyển phát, các cơ sở, công trình báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

13. Các cơ sở, doanh nghiệp công nghệ số: trụ sở các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp nền tảng số, trung tâm phần mềm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ (test lab), cơ sở nghiên cứu công nghệ, các cơ sở công nghệ số khác.

14. Các cơ sở ngân hàng, tài chính, bảo hiểm: (i) Cơ sở ngân hàng: trụ sở ngân hàng, điểm giao dịch tín dụng, cây ATM, điểm đổi tiền, trung tâm trung gian tiền tệ, cơ sở dịch vụ ngân hàng khác; (ii) Cơ sở tài chính: trụ sở các tổ chức tài chính, cơ sở dịch vụ tài chính, quỹ đầu tư; (iii) Cơ sở chứng khoán: trụ sở các tổ chức chứng khoán, sàn giao dịch chứng khoán; (iv) Cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý và đồ trang sức; (v) trụ sở các tổ chức bảo hiểm, cơ sở dịch vụ bảo hiểm; (vi) Các cơ sở dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm khác.

15. Cơ sở vận tải, logistic: bến xe, bến tàu thuyền, bến cảng, nhà ga, sân bay, bến hành khách, bến hàng hoá, âu tàu, khu chuyển tải; khu neo đậu; khu tránh, trú bão, bến phà, bến đò, bến sông, kho bãi, trạm thu phí, điểm dừng chân, điểm đón trả khách, trạm chờ xe buýt, bãi đỗ xe, đại lý vận tải, đại lý giao nhận, đại lý dịch vụ logistic, cửa hàng/Trạm bán lẻ xăng, dầu, khí hóa lỏng; trạm cấp/sạc điện, pin điện, thay ắc quy, các cơ sở vận tải, logistic khác.

16. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ: nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp thực phẩm (bánh, kẹo, sữa, mỳ ăn liền, rượu, bia, nước giải khát; nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến nông, thủy, hải sản; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp tiêu dùng (dệt, sợi, in, nhuộm, may mặc, da, giày, nhựa, thủy tinh, giấy, thuốc lá, vi tính, điện tử); các cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ khác.

17. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nặng: nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; nhà máy, cơ sở luyện kim và cơ khí chế tạo; cơ sở khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; cơ sở khai thác, chế biến, lưu trữ dầu khí; nhà máy, cơ sở sản xuất, công trình điện (nhiệt điện, thủy điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều, điện khí, đường dây và trạm biến áp); nhà máy, cơ sở sản xuất hoá chất (sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật; sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, hóa mỹ phẩm và hóa chất khác; sản xuất sản phẩm nguồn điện hóa học; sản xuất, kho trạm chiết nạp khí công nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; sản xuất, chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ; các cơ sở sản xuất công nghiệp nặng khác.

#### ***IV. Các công trình giao thông, xây dựng***

18. Đường giao thông: đường cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn, đường chuyên dùng, đường xe đạp, đường đi bộ, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, cầu, nút giao thông (ngã ba, ngã tư, ...), hầm đi bộ sang đường, cầu đi bộ sang đường, các cơ sở hạ tầng giao thông khác;

19. Công trình cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp nước (nhà máy nước, trạm bơm cung cấp nước); Công trình thoát nước (hồ điều hoà, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước thải, trạm xử lý bùn); Cơ sở xử lý chất thải rắn (CTR); các cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác.

20. Công trình xây dựng khác: gồm các loại công trình xây dựng theo quy định về phân loại, phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng<sup>1</sup> không nằm trong các loại nêu trên.

21. Cấu trúc xây dựng, cấu trúc vật lý gắn liền với đất (nhưng chưa được xếp loại công trình liệt kê ở trên) như cột cấp nước cứu hoả, cột đèn đường, cột biển báo giao thông, cây ATM, ...

#### ***V. Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất***

22. Các khu đô thị, khu thương mại dịch vụ, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp đặc thù, các loại khu, phân khu khác.

23. Các thửa đất, lô đất, khu đất: đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở; Đất xây dựng công trình sự nghiệp; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất nông nghiệp (gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, và đất nông nghiệp khác.

#### ***VI. Các đối tượng khác***

24. Cấu trúc tự nhiên gắn liền với đất (như mỏm đá, ao, hồ, gò, đồi, núi ...).

25. Các loại địa điểm, công trình, cấu trúc vật lý, đối tượng gắn liền với đất khác cần xác định vị trí./.

<sup>1</sup> Tham khảo các loại công trình tại các phụ lục của Thông tư 06/2021/TT-BXD <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Thong-tu-06-2021-TT-BXD-phan-cap-cong-trinh-xay-dung-480818.aspx>

**PHỤ LỤC III**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ**  
**NHIỆM VỤ NĂM 2022**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)*

**I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN**

- 100% đối tượng được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số; Khuyến khích thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại mục III phụ lục I của Kế hoạch này.

- 100% chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thông báo thông tin Mã địa chỉ số; Khuyến khích thông báo cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

- Có ít nhất một ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng.

**II. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ**

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị chủ trì/phối hợp</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
<b>I</b>	<b>Xây dựng Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tỉnh</b>		
1	Xây dựng Kế hoạch Triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2022
<b>II</b>	<b>Nhiệm vụ triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số</b>		
<b>I</b>	<b>Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số</b>		
a	Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số của tỉnh (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	Bưu điện tỉnh	Năm 2022
b	Thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	Bưu điện tỉnh	Năm 2022
c	Cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số, địa chỉ số để phát triển nền tảng bản đồ số,	Sở Tài nguyên và	Năm 2022

Stt	Nội dung	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Thời gian hoàn thành
	nền tảng địa chỉ số quốc gia.	Môi trường	
d	Phối hợp để tích hợp Nền tảng bản đồ số của tỉnh và Nền tảng địa chỉ số quốc gia để phát triển các giải pháp, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2022
<b>2</b>	<b>Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số</b>		
a	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác	Bưu điện tỉnh	Năm 2022
b	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	Bưu điện tỉnh	Năm 2022
c	Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa, v.v....	Bưu điện tỉnh	Năm 2022
d	Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.	Bưu điện tỉnh	Năm 2022
<b>3</b>	<b>Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số</b>		
a	Phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số của tỉnh sau khi có hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng /Bưu điện tỉnh	Năm 2022
b	Thực hiện thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ số	Sở Thông tin và Truyền thông/Bưu	Năm 2022

Stt	Nội dung	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Thời gian hoàn thành
		điện tỉnh	
c	Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ	Sở Thông tin và Truyền thông/ Bưu điện tỉnh/UBND cách huyện, TP	Năm 2022
d	Gắn biển địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (ưu tiên cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II) sau khi có hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2022
<b>5</b>	<b>Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia và kết quả triển khai Kế hoạch</b>		
a	Tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở, các đơn vị có liên quan	Các sở, ngành, đơn vị, địa phương	Năm 2022
b	Tuyên truyền qua các cơ quan báo chí, đài truyền hình	Các cơ quan báo chí	Năm 2022
c	Tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
đ	Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia	Bưu điện tỉnh/Sở Thông tin và Truyền thông/các đơn vị, địa phương	Năm 2022

**PHỤ LỤC IV**  
**BÁO CÁO TỔNG HỢP CHỈ TIÊU VỀ TRIỂN KHAI NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ GẮN VỚI BẢN ĐỒ SỐ**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)*

Đơn vị báo cáo: .....

Tháng ..... năm ....

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kế đến kỳ báo cáo (%)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Số lượng đối tượng đã được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số (Bưu điện tỉnh báo cáo)</b>					
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích
6	Các đối tượng khác					Chỉ tiêu khuyến khích
<b>II</b>	<b>Số lượng chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được thông báo thông tin Mã địa chỉ số (UBND cấp huyện báo cáo)</b>					Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kế đến kỳ báo cáo (%)	Ghi chú
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan				Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở				Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình				Chỉ tiêu khuyến khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất				Chỉ tiêu khuyến khích
6	Các đối tượng khác					Chỉ tiêu khuyến khích
<b>III</b>	<b>Số lượng đối tượng, công trình được gắn biển địa chỉ số (UBND cấp huyện báo cáo)</b>	Biển				Chỉ tiêu khuyến khích
<b>IV</b>	<b>Số ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng (Sở, ngành, UBND cấp huyện, Bru điện tỉnh báo cáo)</b>	Ứng dụng				